

Số: /TTr-MB
V/v hướng dẫn xử phạt vi phạm
hành chính về đất đai

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình

Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 3675/STNMT-TTr ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình về việc xin ý kiến xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Sau khi nghiên cứu nội dung Công văn số 3675/STNMT-TTr nêu trên, Thanh tra Bộ có ý kiến như sau:

1. Đối với trường hợp 1:

Tại Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với hành vi lấn, chiếm đất nhưng không quy định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “*Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm*”.

Tại khoản 10 Điều 7 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ) quy định: “*Việc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đã xảy ra trước ngày Nghị định số 91/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành chỉ áp dụng đối với các hành vi vi phạm mà các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai trước đây (trước Nghị định số 91/2019/NĐ-CP) có quy định phải nộp số lợi bất hợp pháp. Thời gian xác định số lợi bất hợp pháp phải nộp chỉ tính từ khi Nghị định có quy định hành vi vi phạm phải nộp số lợi bất hợp pháp có hiệu lực thi hành hoặc tính từ ngày xảy ra vi phạm nếu vi phạm xảy ra sau ngày Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai đầu tiên có quy định phải nộp số lợi bất hợp pháp đã có hiệu lực. Việc xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm được thực hiện theo quy định tại Nghị định này*”.

Theo Công văn số 3675/STNMT-TTr nêu trên, Công ty A có hành vi lấn, chiếm đất từ năm 2016, đến thời điểm năm 2022, cơ quan nhà nước mới kiểm tra và phát hiện hành vi vi phạm. Như vậy, hành vi vi phạm hành chính nêu trên của Công ty A thuộc trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Ngoài việc xử phạt bằng tiền, Công ty A phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, trong đó có biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm (thời gian tính số lợi được tính từ ngày 05 tháng 01 năm 2020

(là ngày Nghị định số 91/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) đến thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính).

2. Đối với trường hợp số 2:

Theo Công văn số 3675/STNMT-TTr nêu trên, Công ty B có hành vi lấn, chiếm đất, đã bị cơ quan nhà nước kiểm tra và phát hiện hành vi vi phạm từ năm 2016 nhưng chưa lập biên bản, chưa xử lý vi phạm hành chính, đến thời điểm năm 2022, hành vi vi phạm hành chính nêu trên vẫn tiếp diễn.

Tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính, quy định:

“1. Không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong những trường hợp sau đây:

c) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 3 Điều 63 hoặc khoản 1 Điều 66 của Luật này”.

Tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP quy định:

“1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là 02 năm.

2. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như sau:

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này thì thời hiệu được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm”.

Căn cứ quy định nêu trên, Công ty B không thuộc trường hợp bị phạt tiền theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ nhưng buộc phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, trong đó có biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điều 7 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (được bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi Quý Sở để nghiên cứu thực hiện theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh Thanh tra (để báo cáo);
- Lưu: TTr, Hs (AT).

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Lê Văn Dũng